

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2021/HSST

Ngày 15 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị N, Sinh ngày: 10/02/1986, tại Thanh Thủy, Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 12, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Chồng: Bùi Anh D - sinh năm 1979. Hiện ở xã Đ, huyện Thanh Thủy; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Con ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Việt L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu 7, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu 7, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu 7, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/02/2021, bị cáo Lê Thị N đến nhà ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1972 đều ở tại khu 7 xã X, huyện

Thanh Thủy để bán rau cho gia đình nhà ông C. Khi đến nhà ông C thì có ông C cùng bà H và con trai của ông bà là anh Nguyễn Việt L và con rể là anh Lê Mạnh T - sinh năm 1990 ở khu 1, xã X, huyện Thanh Thủy đang ở ngoài sân để cân hàng (cám vịt). Trong khi đợi lấy tiền rau, N đi vào phòng khách của gia đình anh C để uống nước và ăn bưởi. Khi vào phòng khách, N thấy có 01 chiếc túi xách giả da màu đen (Theo lời khai của anh L là bên trong có số tiền 40.794.000đ) trên chiếc ghế sofa tại phòng khách phía ngoài gần cửa chính. (Số tiền trên do anh L được gia đình ông C, bà H giao cho anh quản lý để trả tiền hàng cho gia đình). N mở ra xem thì thấy bên trong có tiền và xung quanh không có người trông giữ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền bên trong chiếc túi. N thò tay vào trong túi xách rút lấy một phần tiền rồi cất vào túi quần khâu ở cạp quần bên trong phía trước bên trái N đang mặc. Sau khi lấy được tiền, N đi ra ngoài sân thanh toán tiền rau rồi đi về nhà N ở khu 12 xã Đ. Về đến nhà, N lấy số tiền trộm cắp được của gia đình anh L ra kiểm đếm được 14.505.000đồng, trong đó có 29 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ và 01 tờ tiền mệnh giá 5000VNĐ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh L kiểm đếm lại tiền trong túi xách thì phát hiện bị mất số tiền 14.505.000đ nên đã đến Công an xã X trình báo và giao nộp 01 túi giả da màu đen nhãn hiệu Jeep và số tiền còn lại bên trong là 26.289.000đồng. Công an xã X đã lập biên bản tạm giữ chiếc túi và số tiền trên, sau đó bàn giao vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy giải quyết theo thẩm quyền. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã triệu tập N đến Cơ quan Công an để làm việc và N đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 14.505.000đ trộm cắp được của anh L cho Cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho anh Nguyễn Việt L 01 túi giả da màu đen nhãn hiệu Jeep và số tiền 40.794.000đ (trong đó có 26.289.000đ là tiền còn lại bên trong túi xách do anh L giao nộp và 14.505.000đ do bị cáo N giao nộp).

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSTT ngày 15/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Lê Thị N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Xác nhận anh L đã nhận đủ số tiền do bị cáo trộm cắp của anh là 14.505.000đồng.

Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được tại ngoại tại địa phương vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi mẹ già, con nhỏ và chồng bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với vật chứng thu được, phù hợp lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 18/02/2021, tại nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H ở khu 7 xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, bị cáo Lê Thị N đã lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý tài sản là anh Nguyễn Việt L (con trai của ông C và bà H), bị cáo đã có hành vi lén lút lấy đi số tiền 14.505.000đ (Mười bốn triệu năm trăm linh năm nghìn đồng) do anh Nguyễn Việt L cất trong 01 chiếc túi xách giả da màu đen để trên chiếc ghế sofa tại phòng khách của gia đình. Đây là số tiền của gia đình anh L do ông C và bà H giao cho anh quản lý.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có khung hình phạt đến 3 năm tù.

[2] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trong khu vực, tạo nên tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc trông giữ, bảo vệ tài sản của mình. Với lỗi cố ý bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì không muốn làm lại muốn có tiền tiêu sài, nên bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác dẫn đến vi

phạm pháp luật, do đó cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm minh, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền đã trộm cắp được để trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Việt L, anh L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm b, điểm s, điểm i Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặt khác, bị cáo có chồng là anh Bùi Anh D và 02 con nhỏ đều bị khuyết tật ảnh hưởng chất độc màu da cam từ ông Bùi Quang Dân bố đẻ của anh Dũng là người có công với cách mạng, bị thương binh mất sức lao động 81%, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, mình bị cáo phải chăm lo cuộc sống cho cả gia đình, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà xử phạt bị cáo hình phạt tù, cho hưởng án treo, cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Qua xác minh của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy cho thấy, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 14.505.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm linh năm nghìn đồng*). do bị cáo đã trộm cắp được của gia đình anh Nguyễn Viết L, anh L đã nhận lại đầy đủ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử cần xác nhận.

[6] Về Xử lý vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho anh Nguyễn Viết L 01 túi giả da màu đen nhãn hiệu Jeep và số tiền còn lại bên trong túi sách là 26.289.000đ. Anh L đã nhận đủ và không yêu cầu gì khác. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

[8] Về quyền kháng cáo; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy tại phiên toà cơ bản là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s, điểm i Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận: Bị hại là anh Nguyễn Việt L đã nhận lại đầy đủ số tiền do bị cáo đã trộm cắp là 14.505.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm linh năm nghìn đồng*). Anh L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền làm đơn kháng cáo Bản án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND.H.Thanh Thủy,
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CA huyện Thanh Thủy;
- CQ THAHS;
- UBND xã nơi BC cư trú;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng